

Số: 518 /LĐTBXH - BVCSTE

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2016

V/v hướng dẫn công tác bảo vệ,
chăm sóc trẻ em năm 2016

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Năm 2016 là năm đầu tiên triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng về phát triển kinh tế - xã hội 5 năm (2016 - 2020). Việc thực hiện các Chương trình, kế hoạch, mục tiêu, nhiệm vụ về bảo vệ, chăm sóc trẻ em năm 2016 và giai đoạn 2016 - 2020 góp phần quan trọng vào việc thực hiện có hiệu quả và bền vững các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia cũng như từng địa phương.

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo các nội dung, hoạt động bảo vệ, chăm sóc trẻ em trọng tâm sau đây:

1. Thực hiện Chỉ thị số 20-CT/TW ngày 05/11/2012 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em trong tình hình mới:

1.1. Lồng ghép nội dung bảo vệ, chăm sóc trẻ em trong kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII của Đảng và Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp.

1.2. Ưu tiên và bảo đảm việc thực hiện đầy đủ các quyền trẻ em theo quy định của pháp luật.

1.3. Phối hợp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp xây dựng nội dung, hoạt động của phong trào "Toàn dân chăm sóc, giáo dục, bảo vệ trẻ em" gắn với cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh" và triển khai đến đến các Ban công tác Mặt trận ở khu dân cư.

2. Xây dựng kế hoạch, tổ chức triển khai các chính sách, chương trình, kế hoạch về trẻ em:

2.1. Thực hiện Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em giai đoạn 2012 - 2020 theo Quyết định số 1555/QĐ-TTg ngày 17/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ:

- Xác định, điều chỉnh (nếu cần thiết) và triển khai thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu vì trẻ em phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và của các ngành giai đoạn 2016 - 2020.

- Xác định lộ trình thực hiện các chính sách bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em của địa phương, ngành theo hướng mở rộng đối tượng, địa bàn phù hợp với tốc độ, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội để bảo đảm thực hiện các quyền trẻ em, giải quyết các vấn đề về trẻ em của địa phương.

2.2. Thực hiện Quyết định số 34/2014/QĐ-TTg ngày 30/5/2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định Tiêu chuẩn xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em và Thông tư số 25/2014/TT-BLĐTBXH ngày 06/9/2014 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn trình tự, thủ tục đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em:

- Xác định chỉ tiêu xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em trong chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương giai đoạn 2016 - 2020.

- Hướng dẫn việc thực hiện các tiêu chí thuộc chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Kiểm tra, giám sát việc đánh giá, công nhận đảm bảo khách quan, minh bạch, tránh hình thức, chạy theo thành tích.

2.3. Thực hiện Quyết định số 2361/QĐ-TTg ngày 22/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình bảo vệ trẻ em giai đoạn 2016 - 2020: Xây dựng cơ chế phối hợp liên ngành, liên cấp trong thực hiện quản lý trường hợp trẻ em bị xâm hại và cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em tại địa phương.

2.4. Thực hiện Quyết định số 1235/QĐ-TTg ngày 03/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình thúc đẩy quyền tham gia của trẻ em vào các vấn đề về trẻ em giai đoạn 2016 - 2020:

- Tổ chức các Diễn đàn trẻ em theo Thông tư số 33/2014/TT-BLĐTBXH ngày 24/12/2014 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn tổ chức Diễn đàn trẻ em các cấp.

- Tham vấn ý kiến trẻ em khi xây dựng và thực hiện chính sách, chương trình, kế hoạch, đề án liên quan đến trẻ em.

- Triển khai xây dựng và thực hiện các mô hình thúc đẩy quyền tham gia của trẻ em tại địa phương.

2.5. Thực hiện Quyết định số 234/QĐ-TTg ngày 05/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phòng, chống tai nạn, thương tích trẻ em giai đoạn 2016 - 2020:

- Tiếp tục thực hiện và nhân rộng 05 mô hình phòng, chống tai nạn, thương tích trẻ em theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

- Xây dựng cơ chế phối hợp liên ngành trong phòng, chống tai nạn, thương tích trẻ em tại địa phương.

2.6. Tiếp tục triển khai các Quyết định số 55a/2013/QĐ-TTg ngày 04/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ phẫu thuật tim cho trẻ em bị bệnh tim bẩm sinh; Quyết định số 535/QĐ-TTg ngày 14/4/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch triển khai thực hiện khuyến nghị của Ủy ban về quyền trẻ em của Liên hợp quốc; Quyết định số 570/QĐ-TTg ngày 22/4/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia vì trẻ em bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS giai đoạn 2014 - 2020 và các chính sách, chương trình về trẻ em của địa phương.

3. Tiếp tục đẩy mạnh, đổi mới các hoạt động truyền thông, giáo dục về bảo vệ, chăm sóc trẻ em:

- Vận động sự tham gia rộng rãi, tích cực của các tổ chức, cộng đồng, gia đình, cá nhân và trẻ em để thực hiện các quyền trẻ em, giải quyết các vấn đề về trẻ em của địa phương.

- Tổ chức Tháng hành động vì trẻ em năm 2016 với chủ đề “Vì cuộc sống an toàn, phòng, chống tai nạn, thương tích cho trẻ em” nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, gia đình, cá nhân và trẻ em về thực hiện các quyền của trẻ em, quan tâm đầu tư cho công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em, đặc biệt trong việc bảo đảm môi trường an toàn, lành mạnh cho trẻ em, phòng, chống tai nạn, thương tích trẻ em.

- Tổ chức các sự kiện, hoạt động biểu dương, trao đổi kinh nghiệm để nhân rộng những tập thể, cá nhân có sáng kiến, đóng góp bền bỉ, tích cực, hiệu quả vào sự nghiệp chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em.

- Tăng cường truyền thông, quảng bá về Đường dây Tư vấn và hỗ trợ trẻ em - Phím số di động 18001567 để mọi người dân và trẻ em liên hệ miễn phí khi có nhu cầu thông báo, tìm kiếm thông tin; phối hợp với Đường dây trong việc tư vấn, can thiệp, hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt.

4. Tiếp tục kiện toàn, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, công tác viên làm công tác trẻ em, bảo đảm có người được phân công nhiệm vụ bảo vệ, chăm sóc trẻ em ở cấp xã và địa bàn dân cư.

5. Đưa nhiệm vụ thực hiện quyền trẻ em, giải quyết các vấn đề về trẻ em của địa phương vào các chương trình, kế hoạch công tác năm 2016 và giai đoạn 2016 - 2020 nhằm bảo đảm thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu của ngành, của tổ chức có liên quan đến bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em. Bố trí ngân sách,

vận động và sử dụng hiệu quả, minh bạch nguồn lực dành cho trẻ em. Ưu tiên nguồn lực để bảo vệ, chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em dân tộc thiểu số, trẻ em sống ở vùng cao, biên giới, hải đảo, trẻ em trong các gia đình nghèo.

6. Tăng cường kiểm tra, thanh tra, hướng dẫn thực hiện pháp luật, chính sách về bảo vệ, chăm sóc trẻ em và thực hiện quyền trẻ em ở địa phương, đặc biệt ở cấp cơ sở:

- Thông tin, báo cáo cho Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, các Bộ, ngành và các đơn vị quản lý nhà nước có liên quan để giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em; xác minh, báo cáo những vấn đề, vụ việc đột xuất, nổi cộm để phối hợp, hỗ trợ giải quyết.

- Kịp thời phát hiện, ngăn chặn các hành vi xâm hại trẻ em; thiết lập, duy trì địa chỉ tiếp nhận, xử lý thông tin về trẻ em bị xâm hại, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt cần được trợ giúp, can thiệp.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu về trẻ em để theo dõi, đánh giá sát tình hình trẻ em và việc thực hiện các chính sách, chương trình, kế hoạch về trẻ em; bảo đảm kết nối hệ thống phần mềm thống kê, thu thập dữ liệu về trẻ em trực tuyến và định kỳ giữa cấp địa phương với Trung ương. Triển khai việc rà soát, ghi chép và quản lý thông tin về trẻ em, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt từ hộ gia đình và cấp xã theo hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

7. Thực hiện đầy đủ chế độ thông tin, báo cáo về công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em giữa các cấp quản lý. Giao hoặc ủy quyền cho Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội báo cáo kết quả công tác cho Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (thông qua Cục Bảo vệ, chăm sóc trẻ em) trước ngày 25/5 và 20/11 năm 2016 theo hướng dẫn và biểu mẫu kèm theo Công văn này./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Ban Tuyên giáo TW;
- UBTW MTTQ VN;
- Ủy ban VHGDNTNNĐ của Quốc hội;
- Các Bộ: Tài chính, KHĐT, GDĐT, Y tế, Tư pháp, Công an, VHTTDL, TTTT, Quốc phòng, Ngoại giao, Nội vụ;
- Ủy ban Dân tộc; Tổng liên đoàn LĐVN;
- Đài Truyền hình Việt Nam; Đài Tiếng nói Việt Nam;
- TW Đoàn TNCSHCM; Hội BVQTEVN; Hội LHPNVN;
- Vụ KHTC, Văn phòng Bộ; Quỹ BTTEVN; TT Thông tin;
- Sở LĐTBXH 63 tỉnh, thành phố;
- Lưu: VT, BVCSTE (05).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



MẪU BÁO CÁO (6 tháng và 1 năm)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/TP...
SỞ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 2016

Số:.....

BÁO CÁO

Kết quả công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em 6 tháng/năm 2016 và phương hướng nhiệm vụ 6 tháng/năm 2016

I. Đặc điểm tình hình

1. Tình hình kinh tế, xã hội tác động đến trẻ em và công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em tại địa phương.

2. Những vấn đề trẻ em và công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em phát sinh hoặc chưa được giải quyết.

II. Kết quả thực hiện

1. Công tác tham mưu, chỉ đạo, giám sát, đánh giá trong lĩnh vực BVCSTE và thực hiện quyền trẻ em

2. Công tác bảo vệ trẻ em (ở 3 cấp độ)

3. Công tác chăm sóc trẻ em

4. Công tác văn hóa, thông tin, thể thao, du lịch cho trẻ em

5. Thực hiện quyền tham gia của trẻ em

* Nội dung báo cáo của từng lĩnh vực, gồm: (i) Kết quả thực hiện mục tiêu, chỉ tiêu. (ii) Các mô hình. (iii) Hoạt động theo các chương trình, đề án, kế hoạch đã được phê duyệt.

6. Các hoạt động dự án, chương trình, mô hình hợp tác quốc tế hoặc vận động xã hội.

7. Hoạt động của Quỹ Bảo trợ trẻ em

8. Tổng kinh phí đầu tư cho công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em trong năm

(Phân số liệu theo phụ lục 1, 2, 3)

III. Đánh giá kết quả đạt được:

1. So sách kết quả, hiệu quả với năm trước liền kề.

2. Những tồn tại, hạn chế

3. Nguyên nhân của tồn tại và hạn chế (chủ quan và khách quan)

IV. Kế hoạch năm tiếp theo

1. Mục tiêu chung

2. Các mục tiêu cụ thể

3. Các chỉ tiêu cần đạt

4. Nội dung các chương trình, đề án, hoạt động trọng tâm và các mô hình tiếp tục thực hiện

5. Dự kiến tổng kinh phí hoạt động.

Nơi nhận:

TM. UBND TỈNH...
GIÁM ĐỐC

THÔNG KÊ SỐ LIỆU CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC BẢO VỆ, CHĂM SÓC TRẺ EM

Tỉnh/thành phố:.....

T	Chỉ tiêu, mục tiêu	ĐVT	Năm 2015	Năm 2016
1	Dân số trẻ em			
	Số trẻ em dưới 16 tuổi	Người		
	Tỷ lệ trẻ em dưới 16/tổng dân số	%		
2	Số trẻ em dưới 6 tuổi	Người		
	2.1. Tỷ lệ trẻ em dưới 6 tuổi/tổng dân số	%		
	2.2. Số trẻ em dưới 6 tuổi được cấp thẻ BHYT: trong đó	Người		
	- Số trẻ em dưới 6 tuổi được khám chữa bệnh bằng thẻ BHYT	Người		
3	Số người chưa thành niên từ 16 đến dưới 18 tuổi	Người		
	Tỷ lệ người chưa thành niên 16-18/tổng dân số	%		
4	Xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em, Tháng hành động vì trẻ em, Tết trung thu			
1	Tổng số xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn phù hợp với trẻ em	Xã		
	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn phù hợp với trẻ em/tổng số xã, phường, thị trấn	%		
2	Tổng số xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn "Cộng đồng an toàn"	Xã		
	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn "Cộng đồng an toàn"/tổng số xã, phường, thị trấn	%		
3	Tổng số hộ gia đình có trẻ em đạt tiêu chí "Ngôi nhà an toàn"	Ngôi nhà		
	Tỷ lệ hộ gia đình có trẻ em đạt tiêu chí "Ngôi nhà an toàn"/tổng số hộ gia đình có trẻ em	%		
4	Tổng số trường học đạt tiêu chuẩn "Trường học an toàn" (Tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông)	Trường		
	Tỷ lệ trường học đạt tiêu chuẩn "Trường học an toàn"/tổng số trường học	%		
5	Số lượng diễn đàn trẻ em được tổ chức trong năm (cấp tỉnh, huyện, xã, trường học, ...)	Diễn đàn		
	Trong đó: Số lượt trẻ em tham gia (cấp tỉnh, huyện, xã, trường học, ...)	Người		
6	Số lượng điểm tổ chức Tháng hành động vì trẻ em (tỉnh/huyện/xã): trong đó	Điểm		
	- Số trẻ em được tham gia	Người		
	- Số trẻ em được thăm hỏi và tặng quà	Người		
	- Kinh phí	Triệu đồng		

TT	Chỉ tiêu, mục tiêu	ĐVT	Năm 2015	Năm 2016
10	Số lượng điểm tổ chức Tết trung thu cho trẻ em (tỉnh/huyện/xã): trong đó	Điểm		
	- Số trẻ em được tham gia	Người		
	- Số trẻ em được thăm hỏi và tặng quà	Người		
	- Kinh phí	Triệu đồng		
III	Truyền thông, giáo dục và vận động xã hội			
11	Số người dân được tuyên truyền trực tiếp về BVCSTE dưới các hình thức	Người		
12	Số sản phẩm truyền thông về BVCSTE được sản xuất ở địa phương			
	Số sản phẩm	Đầu sản phẩm		
	Số lượng bản in	Nghìn bản/sp		
13	Số chương trình phát thanh/truyền hình và chuyên trang/chuyên mục trên báo/tạp chí/báo mạng truyền thông về BVCSTE được sản xuất ở địa phương			
	Số chương trình, chuyên mục	Đầu CT, CM		
	Số lượng bản in phát hành	Nghìn bản		
IV	Số cán bộ làm công tác BVCSTE các cấp			
14	Cấp tỉnh: Số cán bộ	Người		
15	Cấp huyện: Số cán bộ	Người		
	Trong đó: Chuyên trách	Người		
	Kiểm nhiệm	Người		
16	Cấp xã: Số cán bộ: trong đó	Người		
	- Chuyên trách	Người		
	- Kiểm nhiệm	Người		
17	Cộng tác viên thôn, ấp, bản	Người		
IV	Nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác BVCSTE			
18	Số lớp/số giảng viên nguồn cấp tỉnh được đào tạo, tập huấn về BVCSTE:			
	Số lớp học	Lớp		
	Số người	Người		
19	Số lớp/số cán bộ BVCSTE cấp tỉnh/huyện được tập huấn về BVCSTE (quản lý và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch, dự án... BVCSTE ở địa phương)			
	Số lớp học	Lớp		
	Số người	Người		
20	Số lớp/số cán bộ xã, cộng tác viên tham gia công tác BVCSTE ở thôn, xóm, bản, làng, cụm dân cư được tập huấn về kỹ năng BVCSTE			
	Số lớp học	Lớp		
	Số người	Người		

T	Chỉ tiêu, mục tiêu	ĐVT	Năm 2015	Năm 2016
7	Quỹ Bảo trợ trẻ em (BTTE)			
1	Huy động của Quỹ BTTE cấp tỉnh (không bao gồm kinh phí hỗ trợ từ Quỹ BTTE Việt Nam)	Triệu đồng		
2	Số quận/huyện có Quỹ BTTE	quận/huyện		
3	Số xã/phường có Quỹ BTTE	Xã/phường		
T	Nguồn kinh phí sự nghiệp, chương trình BVCSTE			
4	Tổng số	Triệu đồng		
5	Ngân sách	Triệu đồng		
	Trung ương	Triệu đồng		
	Địa phương	Triệu đồng		
6	Huy động từ cộng đồng (gồm Quỹ bảo trợ trẻ em)	Triệu đồng		
7	Huy động từ quốc tế	Triệu đồng		

nh đạo duyệt
ý, ghi rõ họ tên)

..... ngày..... tháng..... năm.....

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

THÔNG KÊ HỆ THỐNG BẢO VỆ TRẺ EM

Tỉnh/thành phố:.....

TT	Chỉ tiêu, mục tiêu	ĐVT	Năm 2015	Năm 2016
I	Hệ thống bảo vệ, chăm sóc trẻ em			
1	Tỉnh/TP đã có Quyết định thành lập, thành lập lại Ban điều hành bảo vệ trẻ em cấp tỉnh	Có/không		
2	Tỉnh/TP đã có Quyết định thành lập, thành lập lại Nhóm công tác liên ngành bảo vệ trẻ em cấp tỉnh	Có/không		
3	Tỉnh/TP đã có Quyết định thành lập Trung tâm công tác xã hội trẻ em cấp tỉnh	Có/không		
4	Số huyện có Quyết định thành lập, thành lập lại Ban điều hành bảo vệ trẻ em cấp huyện	Huyện		
5	Số huyện có Quyết định thành lập, thành lập lại Nhóm công tác liên ngành bảo vệ trẻ em cấp huyện	Huyện		
7	Số xã có quyết định thành lập, thành lập lại Ban bảo vệ trẻ em cấp xã	Xã		
8	Số xã có mạng lưới cộng tác viên tham gia công tác BVCSTE ở thôn/ xóm/bản/làng/cụm dân cư	Xã		
II	Hệ thống cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em			
1	Số cơ sở trợ giúp trẻ em			
1.1	Công lập: Số cơ sở trợ giúp trẻ em (gồm các cơ sở BTXH): trong đó	Cơ sở		
	- Số cán bộ, nhân viên	Người		
	- Số trẻ em được nuôi dưỡng	Người		
	- Kinh phí	Triệu đồng		
1.2	Ngoài công lập: Số cơ sở trợ giúp trẻ em: trong đó	Cơ sở		
	- Số cán bộ, nhân viên	Người		
	- Số trẻ em được nuôi dưỡng	Người		
	- Kinh phí	Triệu đồng		
2	Số huyện có văn phòng tư vấn trẻ em cấp huyện	Huyện		
3	Số điểm tư vấn cộng đồng	Điểm		
4	Số điểm tư vấn trường học	Điểm		

T	Chỉ tiêu, mục tiêu	Năm 2015		Năm 2016			
		Tổng số trẻ em	Tỷ lệ được chăm sóc	Tổng số trẻ em	Tỷ lệ được chăm sóc	Trong đó:	
						Số trẻ em được hưởng chính sách trợ giúp của nhà nước	Số trẻ em được chăm sóc bằng các hình thức khác
(Người)	(%)	(Người)	(%)	(Người)	(Người)		
	5.2. Trẻ em tham gia hoạt động kinh tế và lao động (không bao gồm lao động nặng nhọc)						
i	Trẻ em lang thang						
j	Trẻ em bị xâm hại tình dục						
k	Trẻ em nghiện ma túy						
l	Người chưa thành niên vi phạm pháp luật						
0	Trẻ em làm việc xa gia đình						
1	Trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khác và có nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt						
1	Trẻ em bị mua bán, bắt cóc						
2	Trẻ em bị ngược đãi, bạo lực						
3	Trẻ em bị tai nạn thương tích						
	Trong đó: Tổng số trẻ em bị tử vong						
	- Trẻ em tử vong do đuối nước						
	- Trẻ em tử vong do tai nạn giao thông						
	- Trẻ em tử vong do nguyên nhân khác						
4	Trẻ em trong các gia đình nghèo						
5	Trẻ em tảo hôn						
5	Trẻ em bỏ học khi chưa hoàn thành chương trình phổ cập 9 năm						
7	Trẻ em sống trong gia đình có vấn đề xã hội (Cha mẹ nghiện rượu, sử dụng ma túy, cờ bạc, trộm cắp, mại dâm, ly hôn, bạo lực gia đình, HIV/AIDS ...): trong đó						
	- Số trẻ em bị ảnh hưởng trực tiếp bởi HIV**						
	- Số trẻ em có nguy cơ cao nhiễm HIV**						

Chi tiêu, mục tiêu	Năm 2015		Năm 2016			
	Tổng số trẻ em	Tỷ lệ được chăm sóc	Tổng số trẻ em	Tỷ lệ được chăm sóc	Trong đó:	
					Số trẻ em được hưởng chính sách trợ giúp của nhà nước	Số trẻ em được chăm sóc bằng các hình thức khác
(Người)	(%)	(Người)	(%)	(Người)	(Người)	
Trẻ em sống trong gia đình có người vi phạm pháp luật (cha mẹ hoặc người nuôi dưỡng trực tiếp đang trong thời gian thi hành án)						
Trẻ em sống trong gia đình có cha mẹ làm ăn xa (liên tục 6 tháng trở lên)						

..... ngày..... tháng..... năm.....

h đạo duyệt
ghi rõ họ tên)

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú: (*) Lao động trẻ em: những đối tượng sau đây được coi là lao động trẻ em.

- Trẻ em từ 5 - 11 tuổi tham gia hoạt động kinh tế từ 1 giờ trở lên vào bất kỳ ngày nào trong tuần tham chiếu hoặc từ 5 giờ trở lên trong cả tuần tham chiếu.
- Trẻ em từ 12 - 14 tuổi: tham gia hoạt động kinh tế trên 4 giờ vào bất kỳ ngày nào trong tuần tham chiếu hoặc trên 24 giờ trong cả tuần tham chiếu.
- Trẻ em từ 15 - 17 tuổi: tham gia hoạt động kinh tế trên 7 giờ vào bất kỳ ngày nào trong tuần tham chiếu hoặc trên 42 giờ trong cả tuần tham chiếu.
- Trẻ em từ 5 - 17 tuổi, tham gia làm các công việc cần sử dụng lao động vì thành niên theo quy định của Thông tư số 10/2013/TT-BLĐTBXH ngày 10/6/2013 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH về việc ban hành danh mục các công việc và nơi làm việc cấm sử dụng lao động là người chưa thành niên.
- Trẻ em làm công việc nặng nhọc độc hại, nguy hiểm. Các công việc được coi là nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm theo qui định tại Thông tư số 10/2013/TT-BLĐTBXH ngày 10/6/2013

Lưu ý:

- Trẻ em tham gia hoạt động kinh tế: Bao gồm trẻ em nhóm 5 - 17 tuổi tham gia các hoạt động sản xuất - kinh doanh dịch vụ, không phân biệt sản xuất để tiêu dùng hay để bán, được trả lương hay không trả lương, thỉnh thoảng hay thường xuyên làm việc, công việc hợp pháp hay không hợp pháp nhưng làm việc ít nhất một giờ đồng hồ vào bất kỳ ngày nào trong tuần tham chiếu. Các hoạt động kinh tế không bao gồm các công việc nội trợ của hộ gia đình và hoặc công việc vặt ở nhà trường mà trẻ em làm.
- Lao động trẻ em: Không phải tất cả trẻ em tham gia hoạt động kinh tế đều là lao động trẻ em. Những trẻ em nào tham gia các công việc nhẹ nhàng, không nằm trong danh mục công việc cấm sử dụng lao động trẻ em, thời gian làm việc không quá dài để có thể ảnh hưởng đến sự phát triển của trẻ thì không được coi là lao động trẻ em. Chỉ những công việc mà điều kiện làm việc ảnh hưởng đến sự phát triển về thể chất, tinh thần, nhân phẩm của trẻ... thì được coi là lao động trẻ em.

09925462